

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU**

Số: 4429/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bến Cầu, ngày 14 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2023
của huyện Bến Cầu trình HĐND huyện**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ
quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà
nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của
Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân
sách;

Xét Tờ trình 230/TTr-TCKH ngày 09/12/2022 của Trưởng phòng Tài
chính- Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2023 của
huyện Bến Cầu trình HĐND huyện (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Chánh Văn phòng HĐND và UBND, Trưởng phòng Tài chính-
Kế hoạch, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Chủ tịch UBND các xã, thị
trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận: 

- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Như Điều 3;
- Huyện ủy Bến Cầu;
- Viện KSNĐ huyện;
- Tòa án nhân dân huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn
thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, P.TCKH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH




Trần Thanh Mềm

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2023*(Dự toán trình Hội đồng nhân dân quyết định)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Nội dung	Dự toán
A	B	3
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH HUYỆN	427.573
I	Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp	111.198
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	316.375
	- Thu bổ sung cân đối	225.677
	- Thu bổ sung có mục tiêu	90.698
III	Thu kết dư	
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	427.573
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	336.875
1	Chi đầu tư phát triển	46.030
2	Chi thường xuyên	284.105
3	Dự phòng ngân sách	6.740
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
II	Chi các mục tiêu, nhiệm vụ	90.698

Ghi chú: (1) Đối với các chỉ tiêu thu, so sánh dự toán năm sau ước thực hiện năm hiện hành.
 Đối với các chỉ tiêu chi, so sánh dự toán năm sau với dự toán năm hiện hành.

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	NỘI DUNG	Dự toán	
		Tổng thu NSNN	Thu NS huyện
A	B	3	4
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	103.900	103.900
I	Thu nội địa	103.900	103.900
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)		
2	Thu từ khu vực DNNN do Địa phương quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)		
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (Chi tiết theo sắc thuế)		
4	Thu từ khu vực công thương nghiệp dịch vụ NQD	16.200	16.200
	-Thuế giá trị gia tăng	11.600	11.600
	-Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.800	3.800
	-Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ HH, DV trong nước	100	100
	-Thuế tài nguyên	700	700
	-Thuế bảo vệ môi trường	-	-
5	Lệ phí trước bạ	12.000	12.000
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	-
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	100	100
8	Thu phí, lệ phí	2.000	2.000
9	Thuế thu nhập cá nhân	25.000	25.000
10	Thu tiền sử dụng đất	38.000	38.000
11	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	400	400
12	Thu khác ngân sách	10.000	10.000
	Trong đó: + Thu phạt ATTT	2.500	2.500
	+ Thu khác còn lại	7.500	7.500
13	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	200	200
II	Thu viện trợ		

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2023*(Dự toán trình Hội đồng nhân dân quyết định)*

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN (A+B+C)	360.648
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH XÃ	0
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC	360.648
B1	CHI CÂN ĐỐI NSDP	270.400
I	Chi đầu tư phát triển	46.030
1	Chi từ nguồn NSDP	8.030
2	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	38.000
II	Chi thường xuyên	218.964
	<i>Trong đó:</i>	
1	Chi sự nghiệp Giáo dục - đào tạo	134.280
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	130
3	Sự nghiệp y tế (Kinh phí mua bảo hiểm cho các đối tượng bảo trợ xã hội)	1.608
4	Sự nghiệp Văn hóa- Thể thao-Truyền thanh	2.480
5	Chi bảo vệ môi trường	3.579
6	Chi các hoạt động kinh tế	24.189
7	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể	36.585
8	Chi đảm bảo xã hội	16.113
III	Dự phòng ngân sách	5.406
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
B2	Chi các mục tiêu, nhiệm vụ	90.248
I	Chi đầu tư phát triển:	67.875
1	Xây dựng nông thôn mới	30.000
2	Phát triển thị xã (Chinh trang đô thị)	25.000
3	CTMTQG Xây dựng nông thôn mới	12.875
II	Chi thường xuyên	22.373
1	Chi công tác ATGT	380
2	Kinh phí thực hiện chính sách về nông nghiệp, thủy lợi (QĐ 23, NQ 29)	1.188
3	Kinh phí đảm bảo xã hội - hỗ trợ mai táng phí	916
4	Kinh phí thực hiện CT MTQG giảm nghèo bền vững	4.537
5	Kinh phí chỉnh lý tài liệu tồn đọng từ năm 1975 -2016	1.198
6	Kinh phí CTMTQG Xây dựng nông thôn mới	1.729

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2023
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: triệu đồng

S T T	TÊN ĐƠN VỊ	Tổng số	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KẾ CHUÔNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KẾ CHUÔNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI CHUYỂN NGUỒN NGÂN SÁCH SANG NĂM SAU
							Tổng số	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYÊN	
A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K
	TỔNG SỐ	360.648	46.030	218.964	5.406		90.248	80.300	9.948	
	<i>Trong đó:</i>									
I	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	229.311	46.030	93.033			90.248	80.300	9.948	
1	Văn phòng HĐND&UBND	5.038	-	5.038						
2	Phòng Tài chính- Kế hoạch	1.162	-	1.162						
3	Phòng Nông nghiệp và PTNN	4.108	-	1.191			2.917		2.917	
4	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	12.774	-	12.774						
5	Thanh tra huyện	741	-	741						
6	Phòng Văn hoá Thông tin	947	-	947						
7	Phòng Nội vụ	5.069	-	3.871			1.198		1.198	
8	Phòng Lao động TBXH	24.209	-	18.756			5.453		5.453	
	- Hội Người tù kháng chiến	113	-	113						
	- Hội Người mù	164	-	164						
	- Câu lạc bộ Hưu trí	113	-	113						
9	Phòng Giáo dục và Đào tạo	8.544	-	8.544						
	- Hội Cựu giáo chức	113	-	113						
	- Hội Khuyến học	113	-	113						
10	Phòng Tư pháp	705	-	705						
11	Phòng Tài nguyên và MT	5.852	-	5.852						
	- Hội Nạn nhân chất độc da cam	113	-	113						
12	Ngân hàng chính sách XH	1.000	1.000	-						
13	Văn phòng Huyện ủy	8.900	-	8.900						
14	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	825	-	825						
15	Huyện đoàn	660	-	660						
	- Hội Cựu TNXP	63	-	63						
16	Hội Phụ nữ	806	-	806						
17	Hội Nông dân	836	-	836						
18	Hội Cựu chiến binh	417	-	417						
19	Liên đoàn lao động	15	-	15						
20	Hội Chữ thập đỏ	273	-	273						
21	Hội Đông y	330	-	330						
22	Hội Người cao tuổi	113	-	113						
23	Công an	1.380	-	1.000			380		380	
24	Quân sự	4.180	1.180	3.000						
25	Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Truyền thanh	3.680	-	3.680						
26	Trung tâm bồi dưỡng chính trị	1.140	-	1.140						
27	Ban quản lý dự án ĐTXD	124.039	36.250	7.489			80.300	80.300		
28	Quỹ phát triển đất	7.600	7.600	-						

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2023
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	Chia ra								
			Giáo dục đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp khoa học, công nghệ	Sự nghiệp kinh tế	Sự nghiệp môi trường	VHTT TDTT PTTT	Chi quản lý hành chính	Chi an ninh quốc phòng	Đảm bảo xã hội	Sự nghiệp y tế
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Tổng chi	21.570	-	130	21.440	-	-	-	-	-	-
1	Ban quản lý dự án ĐTXD	7.489			7.489						
2	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	11.513		130	11.383						
3	Phòng Tài nguyên và MT	1.368			1.368						
4	Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Truyền thanh	1.200			1.200						

**DỰ TOÁN CHI THUỞNG XUYỀN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN,
TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2023**
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ							
			CHI GIÁO DỤC- ĐÀO TẠO	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA- THỂ THAO- TRUYỀN THANH	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QLNN, ĐẢNG, ĐOÀN	CHI ĐẢM BẢO XÃ HỘI
A	B	1 = 2+ ...+9	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ	218.964	134.280	130	1.608	2.480	3.579	24.189	36.586	16.113
	<i>Trong đó:</i>									
1	Văn phòng HĐND&UBND	5.038						235	4.803	
2	Phòng Tài chính- Kế hoạch	1.162							1.162	
3	Phòng Nông nghiệp và PTNN	1.191						360	831	
4	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	12.774		130			348	11.383	913	
5	Thanh tra huyện	741							741	
6	Phòng Văn hoá Thông tin	947							947	
7	Phòng Nội vụ	3.871						1.200	2.671	
8	Phòng Lao động TBXH	18.757			1.608				1.036	16.113
	- Hội Người tù kháng chiến	113							113	
	- Hội Người mù	164							164	
	- Câu lạc bộ Hữu trí	113							113	
9	Phòng Giáo dục và Đào tạo	8.544	6.849						1.695	
	- Hội Cựu giáo chức	113							113	
	- Hội Khuyến học	113							113	
10	Phòng Tư pháp	705							705	
11	Phòng Tài nguyên MT	5.852					3.231	1.368	1.253	
	- Hội Nạn nhân chất độc da cam	113							113	
12	Phòng Y tế	-							-	
13	Văn phòng Huyện ủy	8.900							8.900	
14	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện	825							825	
15	Huyện đoàn	660							660	
	- Hội Cựu thanh niên xung phong	63							63	
16	Hội Phụ nữ	806							806	
17	Hội Nông dân	836							836	
18	Hội Cựu chiến binh	417							417	
19	Liên đoàn lao động	15							15	
20	Hội Chữ thập đỏ	273							273	
21	Hội Đồng y	330							330	
22	Hội Người cao tuổi	113							113	
23	Công an	1.000							1.000	
24	Quân sự	3.000							3.000	
25	Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Truyền thanh	3.680				2.480		1.200	-	
26	Trung tâm chính trị	1.140	1.140						-	
27	Ban quản lý dự án ĐT XD	7.489						7.489	-	
28	Trung tâm phát triển quỹ đất	954						954	-	
29	Trung tâm giáo dục NN- GDTX	2.222	2.222						-	

DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2023

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp			Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp huyện	Số bổ sung có mục tiêu thực hiện chính sách, nhiệm vụ	Tổng chi cân đối ngân sách xã
			Tổng cộng	Thu ngân sách xã hưởng 100%	Thu ngân sách xã hưởng từ các khoản thu phân chia			
A	B	1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG SỐ	9.185	19.975	7.105	12.870	46.500	450	66.925
1	Thị trấn	2.709	4.100	2.039	2.061	2.508	50	6.658
2	An Thạnh	1.537	2.768	1.202	1.566	3.720	50	6.538
3	Lợi Thuận	1.531	3.609	1.180	2.429	4.345	50	8.004
4	Tiên Thuận	615	2.209	513	1.696	7.370	50	9.629
5	Long Thuận	839	1.612	696	916	6.482	50	8.144
6	Long Khánh	1.041	1.786	788	998	5.920	50	7.756
7	Long Giang	367	1.196	298	898	5.242	50	6.488
8	Long Chữ	270	1.567	225	1.342	5.045	50	6.662
9	Long Phước	276	1.128	164	964	5.868	50	7.046

**DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CỐ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH
CẤP HUYỆN CHO NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2023**

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Tên đơn vị	Tổng số	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình, mục tiêu, nhiệm vụ	Bổ sung vốn sự nghiệp để thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	Bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia
A	B	1=2+3+4	2	3	4
	TỔNG SỐ	450	450	0	
1	Thị trấn	50	50		
2	An Thạnh	50	50		
3	Lợi Thuận	50	50		
4	Tiên Thuận	50	50		
5	Long Thuận	50	50		
6	Long Khánh	50	50		
7	Long Giang	50	50		
8	Long Chử	50	50		
9	Long Phước	50	50		

Đơn vị: triệu đồng

[illegible]

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thi công-Hoàn thành	Quyết định đầu tư		Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2022				Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2022				Kế hoạch vốn năm 2022						
				Quyết định, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Theo nguồn vốn			Tổng số	Theo nguồn vốn			Tổng số	Theo nguồn vốn			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Theo nguồn vốn			Tổng số	Theo nguồn vốn			Tổng số	Theo nguồn vốn						
						Ngoài nước	Ngân sách trong nước			...	Ngoài nước			Ngân sách trong nước	...		Ngoài nước	Ngân sách trong nước	...	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	Tổng số																			
A	NGÀNH, LĨNH VỰC, CHƯƠNG TRÌNH																			
I	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ...																			
I	Chuẩn bị đầu tư																			
-	Dự án A																			
-	...																			
2	Thực hiện dự án																			
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm																			
-	Dự án B																			
-	...																			
b	Dự án khởi công mới																			
-	Dự án C																			
-	...																			
II	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ...																			
	Phân loại như trên																			
B	NGÀNH, LĨNH VỰC, CHƯƠNG TRÌNH																			
	Phân loại như trên																			
	...																			